

Số: 28 /2019/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Đơn giá Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Luật Đo đạc bản đồ ngày 14/6/2018;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đo đạc bản đồ;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-UBND ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động thương binh và xã hội, Ủy ban dân tộc về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;*

*Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về Tài nguyên Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 306/TTr-STNMT ngày 18/9/2019 về việc ban hành bộ đơn giá Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Đơn giá đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm:

1. Xây dựng Lưới địa chính, đo đạc thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp đo đạc trực tiếp, số hóa và chuyển hệ tọa độ bản đồ địa chính, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất, đo đạc chỉnh lý bản trích đo địa chính hoặc chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính, đo đạc bổ sung tài sản gắn liền với đất, gồm có 04 biểu:

- Biểu số 01: Áp dụng tại địa bàn có phụ cấp khu vực 0,2
- Biểu số 02: Áp dụng tại địa bàn có phụ cấp khu vực 0,3
- Biểu số 03: Áp dụng tại địa bàn có phụ cấp khu vực 0,4
- Biểu số 04: Áp dụng tại địa bàn có phụ cấp khu vực 0,5

2. Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, gồm có 04 biểu:

- Biểu số 05: Áp dụng tại địa bàn có phụ cấp khu vực 0,2
- Biểu số 06: Áp dụng tại địa bàn có phụ cấp khu vực 0,3
- Biểu số 07: Áp dụng tại địa bàn có phụ cấp khu vực 0,4
- Biểu số 08: Áp dụng tại địa bàn có phụ cấp khu vực 0,5

3. Đơn giá sản phẩm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này chưa bao gồm các khoản chi tại mục 1,3,4 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về Tài nguyên Môi trường và thuế giá trị gia tăng; Các khoản chi phí chưa có trong Bộ đơn giá này được xem xét xác định khi lập và giao dự toán cho từng dự án cụ thể.



## **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Đơn giá ban hành kèm theo Quyết định này làm căn cứ để lập, thẩm định, giao dự toán và quyết toán kinh phí đo đạc bản đồ địa chính và quản lý đất đai đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các công việc đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu; cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận và đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

### **2. Đối tượng áp dụng:**

a. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai.

b. Cơ quan có liên quan đến lập, thẩm định, giao dự toán và quyết toán kinh phí đo đạc bản đồ địa chính; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu; cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận và đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.

c. Tổ chức và cá nhân có liên quan đến đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu; cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận và đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

## **Điều 3. Xử lý đối với một số nội dung cụ thể**

### **1. Xử lý chuyển tiếp một số trường hợp cụ thể**

a. Đơn giá quy định tại Quyết định này không áp dụng đối với các dự án, công trình đã được phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án và đã triển khai thực hiện trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành.

b. Đơn giá quy định tại Quyết định này áp dụng trong các trường hợp:

- Dự án, công trình đã được phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công và dự toán kinh phí nhưng đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành chưa triển khai thực hiện thì điều chỉnh, bổ sung dự toán theo bộ đơn giá của Quyết định này.

- Dự án, công trình tính đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành chưa duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường.

- Dự án, công trình được phê duyệt sau khi Quyết định này có hiệu lực.

2. Khi lập dự toán đối với nhiệm vụ Dự án do đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan quản lý đã được ngân sách nhà nước cấp tiền lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo chế độ, chi thường xuyên (bao gồm đơn vị chi thường xuyên từ nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí nếu được thực hiện nhiệm vụ, dự án) thì dự toán nhiệm vụ, dự án không tính chi phí lao động kỹ thuật cho số biên chế, cán bộ viên chức của cơ quan, đơn vị trong thời gian tham gia nhiệm vụ, dự án (được tính làm thêm giờ theo chế độ quy định hiện hành, trong chi phí nhân công) và chi phí quản lý chung phải trừ kinh phí chi thường xuyên của số biên chế, cán bộ, viên chức trong thời gian tham gia nhiệm vụ, dự án và không tính khấu hao tài sản cố định.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**


Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30/10/2019 và thay thế Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đơn giá đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện đơn giá; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Tuyên Quang và các đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, giải quyết.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính Phủ;
- Các Bộ: TN&MT; Tài chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục KTrVBQPPL;
- Vụ pháp chế, Bộ TN&MT; (để kiểm tra)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Như Điều 6 (thi hành);
- Sở Tư Pháp (tự kiểm tra);
- Báo Tuyên Quang;
- Đài phát thanh và truyền hình tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng TH&CB, VP UBND tỉnh; (đăng tải)
- Lưu: VT, ĐC, TC (Tỉnh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đình Quang**